



## ẢNH HƯỞNG TỪ SỰ BÙNG NỔ NHẬP KHẨU NĂNG LƯỢNG CỦA TRUNG QUỐC

**Nguồn:** Michal Meidan (2014). "The Implications of China's Energy-Import Boom", *Survival: Global Politics and Strategy*, 56:3, pp. 179-200.

**Biên dịch:** Chu Minh Châu | **Hiệu đính:** Phạm Hồng Anh

Từ cuối thập niên 1990, việc đảm bảo tiếp cận nguồn dầu mỏ nước ngoài lớn hơn nữa là trọng tâm của cuộc tranh luận tại Trung Quốc khi mà sự phụ thuộc ngày càng lớn của quốc gia này vào dầu mỏ nhập khẩu đã trở thành một thực tế tất yếu. Các viện nghiên cứu và các cố vấn cho giới lãnh đạo Trung Quốc đã bị cuốn vào việc xác định những rủi ro liên quan đến các nguồn cung dầu mỏ từ nước ngoài cho Trung Quốc và hoạch định chính sách để giảm thiểu những rủi ro đó. Tuy nhiên, như cuộc tranh luận đã cho thấy, rõ ràng việc đảm bảo nguồn cung dầu chỉ là một phần của vấn đề. Cán cân tổng thể về cung cầu năng lượng, tác động của việc nhà nước kiểm soát giá cả và can thiệp hành chính trong thị trường nội địa, cũng như sự yếu kém của các cơ chế quản lý ngành công nghiệp năng lượng đều được xem là những vấn đề quan trọng không kém, thậm chí còn cấp bách hơn. Từ năm 2000 đến năm 2004, một loạt sự kiện đã làm nổi bật các khía cạnh khác nhau của tình trạng bất bình về an ninh năng lượng của Trung Quốc, đồng thời cùng với sự thay đổi lãnh đạo tại Bắc Kinh rốt cục đã dẫn đến sự thay đổi trong lựa chọn chính sách năng lượng.

Bài viết này phân tích sự thay đổi nhận thức trong nước về các nguồn gốc gây mất an ninh năng lượng của Trung Quốc và những lựa chọn chính sách đi kèm. Mặc dù an ninh dầu mỏ trở thành vấn đề hàng đầu trong chương trình hoạch định chính sách vào đầu những năm 2000, chứ không phải vào giữa những năm 1990 khi Trung Quốc trở thành nước nhập ròng dầu thô, nhưng vấn đề này đã nhanh

chóng bị thế chỗ bởi những mối quan tâm trong nước. An ninh dầu mỏ sau đó chỉ ảnh hưởng chứ không chi phối các lựa chọn chiến lược của Trung Quốc.

## **Gia tăng nhập khẩu dầu làm nổ ra một cuộc tranh luận ở Trung Quốc**

Cho đến giữa thập niên 1990, Trung Quốc không cần một chính sách nào về đảm bảo an ninh nguồn cung năng lượng từ nước ngoài. Cơ chế tự cung tự cấp trên thực tế của nhà nước là bằng chứng cho thấy ngành công nghiệp dầu khí của nước này tương đối tách biệt với thị trường dầu mỏ quốc tế, và sự biến động giá cả có tác động rất ít hoặc không đáng kể đến ngành công nghiệp này của Trung Quốc. Chỉ từ sau năm 1993, khi Trung Quốc trở thành nước nhập ròng các sản phẩm dầu, và thậm chí nhập ròng còn tăng lên kể từ năm 1997, khi lượng nhập khẩu dầu thô của Trung Quốc tăng vọt một cách bất ngờ, Bắc Kinh mới quan tâm tới vấn đề an ninh năng lượng. Tuy nhiên, các phân tích về vấn đề này lúc bấy giờ của người Trung Quốc lại chủ yếu tập trung vào nhu cầu cải cách thị trường của ngành công nghiệp năng lượng nội địa.<sup>1</sup> Trong những năm 1990, thuật ngữ "an ninh năng lượng" chưa từng xuất hiện trong các văn bản chính sách chính thức của Trung Quốc.

Tuy nhiên, khi lượng dầu nhập khẩu tăng dần, thì vấn đề phụ thuộc vào nước ngoài bắt đầu nổi lên trong chương trình nghị sự chính trị. Đến cuối năm 1999, sự phụ thuộc vào nhập khẩu dầu của Trung Quốc đã tăng lên 26%. Ở mức độ này, ngành công nghiệp năng lượng trong nước ngày càng chịu ảnh hưởng từ những thay đổi trên thị trường quốc tế.<sup>2</sup> Lượng dầu nhập khẩu tăng gấp đôi từ 36 triệu tấn lên 70 triệu tấn trong năm 2000, và giá dầu quốc tế tăng vọt từ mức trung bình \$15 một thùng năm 1999 lên mức cao mới là \$25 và \$30 lần lượt trong các năm 2001 và 2003.<sup>3</sup> Với số liệu phụ thuộc nhập khẩu leo dốc đến mức gần 40% trong cùng khoảng thời gian đó, mức độ thiệt hại nền kinh tế Trung Quốc phải gánh chịu nằm ở mức cao.<sup>4</sup> Cho đến năm 2003, với mỗi một đồng đô la tăng lên

---

<sup>1</sup> Việc tìm kiếm thuật ngữ "an ninh năng lượng" và "an ninh dầu mỏ" trong cơ sở dữ liệu học thuật Trung Quốc cho kết quả dưới 20 bài trong giai đoạn 1989-1999, nhưng lên tới hàng trăm bài trong giai đoạn 2000-05. China National Knowledge Infrastructure, <http://eng.cnki.net/ Grid2008/>.

<sup>2</sup> Mehmet Ogütçü, 'Foreign Direct Investment and Importance of the "Go West" Strategy in China's Energy Sector', Organisation for Economic Cooperation and Development, March 2002, <http://www.oecd.org/investment/investmentfordevelopment/2085596.pdf>.

<sup>3</sup> 'China Oil Imports Rise to 70 Million Tonnes Despite Rising Prices', Agence France-Presse, 20 August 2000; 'China Economy – Solutions to the Oil Crisis', Economist Intelligence Unit, 31 October 2000.

<sup>4</sup> 'Nengyuan Zhuanjia Tan Zhongguo Yingdui Shiyou Anquande Jinmouyuanlüe', *Zhongguo Kuangye Bao*, 10 June 2003, <http://www1.china.com.cn/chinese/OP-c/341657.htm>.

cho mỗi thùng dầu, Trung Quốc phải trả thêm khoảng 540 triệu đô la cho nhập khẩu.<sup>5</sup> Điều này đã làm gia tăng sự chú ý trong nước về sức ảnh hưởng của các sự kiện quốc tế đến thị trường dầu mỏ của Trung Quốc.<sup>6</sup>

### ***Sự gia tăng các cố vấn chính sách***

Do chỉ tiếp xúc rất ít với chính trị quốc tế về năng lượng trước đó, Trung Quốc đã phải đối mặt với một sự khởi đầu khó khăn khi phải đối phó với những thách thức đến từ lượng nhập khẩu tăng vọt, cùng với xu hướng gia tăng đầu tư ra nước ngoài của các công ty năng lượng trong nước. Những người đứng đầu đất nước bắt đầu ngày càng phụ thuộc vào các trí thức đầu đàn và các bên liên quan trong ngành công nghiệp khi cân nhắc đưa ra các quyết định chính sách. Với số đông chủ thể tham gia vào việc xây dựng chính sách năng lượng, những ý kiến về chiến lược an ninh năng lượng của Trung Quốc cũng gia tăng. Các nhóm quyền lực nhất trong việc hoạch định chính sách là các công ty dầu quốc gia, chủ yếu là Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Trung Quốc; các cơ quan chính phủ như Ủy ban Kế hoạch Nhà nước (sau này là Ủy ban Phát triển và Cải cách quốc gia) và Ủy ban Kinh tế và Thương mại Quốc gia; và ở mức độ thấp hơn, là quân đội Trung Quốc và Bộ Ngoại giao.

Tại thời điểm nhập khẩu của Trung Quốc tăng vọt một cách bất ngờ, giới chức lãnh đạo ngay từ đầu đã tìm đến các cố vấn đáng tin cậy của mình để nghe những phân tích và khuyến nghị của họ về an ninh năng lượng, đặc biệt là những thách thức đối với ngành năng lượng của Trung Quốc. Năm 1997, giới lãnh đạo cấp cao đã giao việc nghiên cứu về an ninh năng lượng cho Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Trung Quốc, công ty dầu mỏ và khí đốt lớn nhất trên cả nước.<sup>7</sup> Ngay trong năm sau đó, Trung tâm Nghiên cứu Phát triển, một tổ chức trực thuộc Quốc vụ viện, cũng nghiên cứu về vấn đề này.<sup>8</sup> Tháng 1/2000, Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Trung Quốc đã tập hợp các chuyên gia hàng đầu từ các công ty dầu mỏ quốc gia, cùng các Viện

---

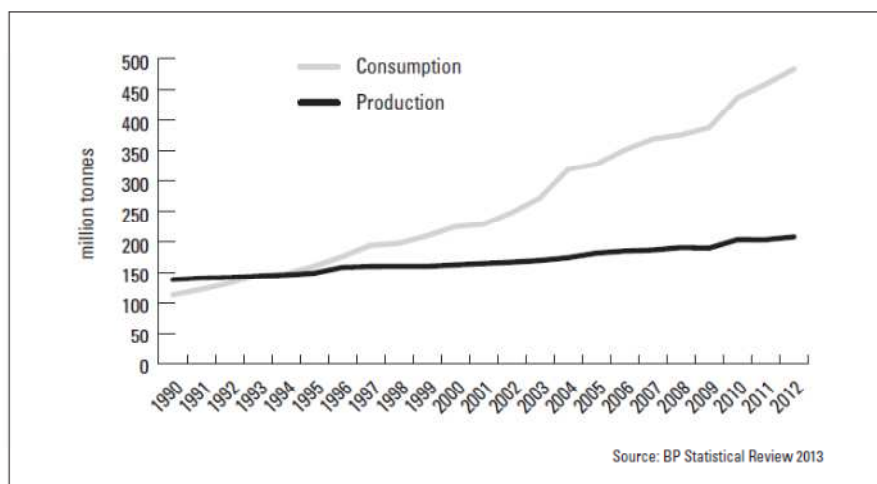
<sup>5</sup> You Ji, 'Dealing with the Malacca Dilemma: China's Effort to Protect its Energy Supply', *Strategic Analysis*, vol. 31, no. 3, 2007, p. 469.

<sup>6</sup> 'Haiwan Weiju Biwen Zhongguo Zhanlue, Guonei Chengpin Youjia Shangzhang', *Zhonghua Gongshang Shibao*, 18 February 2002, <http://www.china5e.com/news/oil/200302/200302180010.html>; 'Cong Yuanyou Jinkou Jiegou Kan Woguo Yuanyou Zhanlue Anquan', *Shiyou Huagong Jishu Jingji*, June 2002; 'Zhongguo Shiyou Anquan Zhimian Zhanzheng Kaoyan', *21 Shiji Huanqiu Baodao*, 14 October 2002, <http://www.china.com.cn/chinese/ch-yuwai/217751.htm>.

<sup>7</sup> Bo Kong, *China's International Petroleum Policy* (Westport, CT: Greenwood Publishing Group, 2010); Erica S. Downs, 'The Chinese Energy Security Debate', *China Quarterly*, vol. 177, March 2004.

<sup>8</sup> Tang Yuankai, 'Greater Stress on Oil Security', *Beijing Review*, vol. 46, no. 12, 20 March 2003, pp. 39–40; Vivien Pik-Kwan Chan, 'Oil Price Crisis – "A Market Ploy by Clinton"', *South China Morning Post*, 26 September 2000; David Hsieh, 'China Set to Be Bigger Player in Oil Arena', *Straits Times*, 16 February 2001.

ngiên cứu chính sách về chính phủ, quân đội và kinh tế, để thảo luận về viễn cảnh nhu cầu dầu mỏ của Trung Quốc trong thế kỉ 21.<sup>9</sup>



Hình 1: Sản xuất và tiêu thụ dầu trong nước của Trung Quốc

Năm 2001, Trung tâm Nghiên cứu chiến lược Dầu mỏ và Khí đốt, thuộc Bộ Đất đai và Tài nguyên, đã tiến hành một nghiên cứu về sự phát triển ngành công nghiệp dầu mỏ của Trung Quốc và đã trình cấp lãnh đạo trung ương theo đề nghị của Phó Thủ tướng Ôn Gia Bảo.<sup>10</sup> Trong năm tiếp theo, cuộc tranh luận đã được mở rộng tới nhiều tổ chức hơn, trong đó có Viện Nghiên cứu Năng lượng của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước. Các nhà nghiên cứu của Viện đã tập trung vào các vấn đề từ 'phía cầu', chẳng hạn như tính hiệu quả năng lượng, hơn là các chính sách 'phía cung', và ủng hộ việc chuyển cơ cấu năng lượng từ chủ yếu dựa vào than đá của Trung Quốc sang mô hình phát triển bền vững được chi phối bởi dầu mỏ và khí đốt tự nhiên.<sup>11</sup>

Cuộc tranh luận cũng mở rộng ra khía cạnh khác của hệ thống hành chính. Nhiều phòng ban của Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Trung Quốc đã đóng góp vào cuộc tranh luận.<sup>12</sup> Các viện nghiên cứu chính sách đối ngoại chủ yếu tập trung vào an ninh nguồn cung dầu mỏ, và đưa ra những đánh giá và khuyến nghị chính sách về cách đối phó với vấn đề an ninh năng lượng một cách toàn diện hơn. Viện Nghiên cứu quốc tế Trung Quốc, cơ quan chuyên nghiên cứu của Bộ Ngoại giao, đã

<sup>9</sup> Fu Chengde (ed.), *China's Oil Development Strategy in the 21st Century* (Beijing: Shiyong Gongye Chubanshe, 2000).

<sup>10</sup> Bo, *China's International Petroleum Policy*.

<sup>11</sup> Downs, 'The Chinese Energy Security Debate'; Christian Constantin, 'Understanding China's Energy Security', *World Political Science Review*, no. 3, 2007 Interviews with officials from the Energy Research Institute and the National Development and Reform Commission, Beijing, 2005; Zhou Fengqi and Zhou Dadi (eds), *Zhongguo Zhongchangqi Nengyuan Shanlue* (Beijing: Zhongguo Jihua Chubanshe, 1999).

<sup>12</sup> Bo, *China's International Petroleum Policy*, pp. 49–52.

trở thành một trong những tổ chức dân sự nghiên cứu chính sách đối ngoại có sức ảnh hưởng nhất trong việc ủng hộ ngoại giao năng lượng, và bắt đầu nghiên cứu các lựa chọn chính sách khác nhau.<sup>13</sup>

### ***Nga và Trung Á: chú trọng các tuyến đường bộ***

Do số lượng các bên tham gia tranh luận tăng lên, các quan điểm đưa ra theo đó cũng tăng lên. Nhiều nhà phân tích và quan sát đưa ra các khuyến nghị dựa trên những gì họ coi là chiến lược năng lượng của Mỹ, cũng như chính sách của Nhật Bản thời kì hậu 1973.<sup>14</sup> Yếu tố cốt lõi trong những phản ứng chính sách mà họ đề xuất bao gồm việc tăng cường đối thoại với các nhà sản xuất dầu chủ đạo nhằm tránh trở thành mục tiêu của một lệnh cấm vận dầu; phát triển quan hệ với Nga và Kazakhstan để xây dựng đường ống dẫn dầu nhập khẩu và giảm thiểu rủi ro liên quan đến giao thông vận tải đường biển; tăng số lượng đầu tư của các công ty dầu khí quốc gia của Trung Quốc vào các mỏ dầu nước ngoài; và nâng cao tầm quan trọng của năng lượng trong các chiến lược ngoại giao quốc gia.<sup>15</sup> Những nhà phân tích hàng đầu của Trung Quốc trong các viện chính sách thuộc Ủy ban Kinh tế và Thương mại Quốc gia và Quốc vụ viện chủ trương xây dựng một quỹ dự trữ xăng dầu chiến lược với mục đích phòng vệ khi giá dầu tăng, đa dạng hóa các nguồn nhập khẩu, gia tăng tỷ trọng khí đốt trong hỗn hợp năng lượng, tăng cường bảo tồn năng lượng và "vươn ra bên ngoài" trong lĩnh vực dầu mỏ, khí đốt.<sup>16</sup> Tất cả những hướng tiếp cận này đã trở thành chủ đề của các báo cáo về an ninh năng lượng trong "Kế hoạch 5 năm lần thứ 10 (2001-2005)", tài liệu đầu tiên dẫn chiếu đến khái niệm này.<sup>17</sup>

Vào tháng giêng năm 2001, Trung tâm Nghiên cứu Phát triển đã triệu tập một cuộc hội thảo mà tại đó Trần Kim Hoa (Chen Jinhua), Phó Chủ tịch Hội nghị Hiệp thương Chính trị Nhân dân Trung Quốc, cựu chủ tịch Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và chủ tịch đầu tiên của Sinopec, đã chính thức thông qua chiến lược vươn ra bên ngoài, theo đó các công ty Trung Quốc được khuyến khích đầu tư nhiều hơn

<sup>13</sup> Downs, 'The Chinese Energy Security Debate', p. 28.

<sup>14</sup> Roland Dannreuther, 'Asian Security and China's Energy Needs', *International Relations of the Asia-Pacific*, vol. 3, no. 2, August 2003

<sup>15</sup> Downs, 'The Chinese Energy Security Debate'

<sup>16</sup> Gong Zhengzheng, 'High Oil Costs Fuel Concern', *Business Weekly*, 20 August 2000; Gong Zhengzheng, 'Protection Urged Over High Oil Prices', *Business Weekly*, 30 January 2001; Ma Hong, 'Guojia Shengmingxian: Zhongwaiguojia Shiyou Anquan Zhanlue Bijiao yu Qishi', *Zhongguo Ruan Kexue*, December 1998; Zhu Xingshan and Zhou Dadi, 'Ruhe Kandai Zhongguo de Nengyuan Anquan Wenti', *Guoji Shiyou Jingji*, October 2001.

<sup>17</sup> Central People's Government of the People's Republic of China, 'The 10th Five-Year Plan (2001-2005)', 5 April 2006, [http://english.gov.cn/2006-04/05/content\\_245624.htm](http://english.gov.cn/2006-04/05/content_245624.htm).

vào các tài sản dầu mỏ ở nước ngoài. Ông Trần vạch ra một kế hoạch gồm bảy điểm để "đi ra ngoài", thúc giục các công ty Trung Quốc liên doanh với các nhà đầu tư nước ngoài trong việc thăm dò dầu khí và lọc dầu. Ông thừa nhận rằng Trung Quốc là kẻ đến sau trên thị trường dầu mỏ toàn cầu, tuy nhiên, ông nhấn mạnh rằng Trung Quốc vẫn có thể "thách thức sự thống trị của Hoa Kỳ". Ông nói, " Mỹ sẽ can thiệp, nhưng chúng ta cần phải nhấn mạnh kiên quyết rằng chúng ta sẽ đi theo con đường riêng." Ông tiếp tục xác định Trung Đông, Trung Á, Bắc Phi và Nga là các "mục tiêu chính" của Trung Quốc.<sup>18</sup>

Những khoản đầu tư để tiếp cận với các nguồn tài nguyên của Nga nhằm cung cấp cho thị trường Trung Quốc đã nằm trong chương trình nghị sự sau khi các cuộc thảo luận về đường ống dẫn dầu từ Nga sang Trung Quốc được tiến hành. Năm 1994, tại Angarsk, Tổng thống Nga Boris Yeltsin lần đầu tiên đề xuất xây dựng một đường ống như vậy nhằm tăng cường phát triển quan hệ kinh tế và thương mại song phương. Năm 1996, sau nhiều cuộc đàm phán kéo dài, Bắc Kinh và Moscow đã ký hiệp ước hợp tác năng lượng bao gồm đường ống dẫn dầu từ miền đông Siberia đến Đại Khánh.<sup>19</sup>

Vào thời điểm đó, Bắc Kinh không vội vàng trong việc kết thúc các cuộc đàm phán về đường ống dẫn dầu. Các nhà đầu tư Trung Quốc xem Nga là một điểm đầu tư đặc biệt nhiều rủi ro, và giá dầu thế giới ở mức thấp đồng nghĩa với việc họ không phải bận tâm đến việc bảo đảm nguồn cung. Hơn nữa, ít nhà hoạch định chính sách tại Bắc Kinh dự đoán nhu cầu của Trung Quốc lại sẽ tăng cao như trong quá khứ. Trong bối cảnh giá dầu thấp, Thủ tướng Trung Quốc Chu Dung Cơ đã lưỡng lự khi đầu tư vào đường ống dẫn dầu xuyên quốc gia vì tính kinh tế của các dự án đó tương đối kém hấp dẫn, và có vẻ như nhu cầu sở hữu những thiết bị thăm dò và sản xuất dầu ở nước ngoài là không cao.<sup>20</sup> Do đó, các nhà đàm phán Trung Quốc trì hoãn, một phần do nỗ lực để đạt được ưu đãi về giá từ Nga.<sup>21</sup>

<sup>18</sup> Chen Jinhua, 'Shiyou Zhanlue yu Zhongguo Nengyuan Zhengce', *Zhongguo Shiyou*, no. 2, 2001.

<sup>19</sup> Erica S. Downs, 'Sino-Russian Energy Relations: An Uncertain Courtship', in James A. Bellacqua (ed.), *The Future of China–Russia Relations* (Lexington, KY: University Press of Kentucky, 2010); Julie Jiang and Jonathan Sinton, 'Overseas Investments by Chinese National Oil Companies: Assessing the Drivers and Impacts', International Energy Agency, February 2011, [http://www.iea.org/publications/free\\_publications/publication/overseas\\_china.pdf](http://www.iea.org/publications/free_publications/publication/overseas_china.pdf).

<sup>20</sup> Downs, 'Sino-Russian Energy Relations', in Bellacqua (ed.), *The Future of China–Russia Relations*; Bo, *China's International Petroleum Policy*.

<sup>21</sup> Lyle Goldstein and Vitaly Kozyrev, 'China, Japan and the Scramble for Siberia', *Survival*, vol. 48, no. 1, Spring 2006; Downs, 'Sino-Russian Energy Relations', in Bellacqua (ed.), *The Future of China–Russia Relations*; Chang Qing, 'Dui Hasakesitan Shiyou Gongye Xin Qingkuang de ikao', *Guoji Shiyou Jingji*, no. 4, 2003, pp. 50–4; Chen Yurong, 'Zhongguo yu Zhongya Diqu Jingji Hezuo', *Guoji Wenti Yanjiu*, pp. 50–6; Gao Shixian, 'Shanghai Hezuo Zuzhi Chengyuanquo Zhijian Nengyuan Lingyu Hezuo Fenxi', *Zhongguo Nengyuan*, no. 2, 2003, pp. 4–6.

Vào cuối những năm 1990 và đầu những năm 2000, do nhập khẩu dầu từ Trung Đông dần dần thay thế nhập khẩu từ Châu Á, các nhà phân tích thuộc Viện Quan hệ Quốc tế đương đại Trung Quốc, Viện Nghiên cứu Năng lượng và các viện hàn lâm đều nhấn mạnh sự phát triển của nguồn tài nguyên năng lượng ở Trung Á và Nga chính là một phương tiện quan trọng trong việc cải thiện an ninh năng lượng, đồng thời họ cũng cho rằng các tuyến vận chuyển trên đường bộ sẽ an toàn hơn so với trên biển vì Trung Quốc vẫn chưa có một lực lượng hải quân đủ khả năng bảo vệ nhập khẩu hàng hải.<sup>22</sup> Hơn nữa, dầu nhập khẩu qua đường bộ bằng đường ống sẽ ít khả năng bị gián đoạn bởi Washington do Trung Quốc có lợi thế trên đất liền hơn Mỹ và các nước đồng minh.<sup>23</sup>

Một thời gian ngắn sau khi các khuyến nghị này được thực hiện, trọng tâm Trung Á của Bắc Kinh gặp phải đe dọa. Sau vụ 11/9 và cuộc xâm lược của Mỹ tại Afghanistan, Washington nhìn nhận lại chính sách của Mỹ đối với Trung Á, đồng thời củng cố sự hiện diện mang tính chiến lược và kinh tế tại khu vực này.<sup>24</sup> Mặc dù cuộc chiến chống khủng bố của Mỹ tạo cơ hội cho Bắc Kinh hàn gắn các quan hệ song phương đang căng thẳng, và giảm sự tập trung chiến lược của Washington vào Đông Á, nó cũng dẫn đến sự hiện diện tăng cường của Mỹ dọc biên giới phía tây Trung Quốc.<sup>25</sup> Các nhà phân tích Trung Quốc lo ngại rằng Washington đang cố gắng để kiềm chế Trung Quốc bằng cách gia tăng sự hiện diện gần Tân Cương.<sup>26</sup> Các nhà phân tích khác thừa nhận rằng Hoa Kỳ từ lâu đã quan tâm đến Trung Á chỉ

---

<sup>22</sup> *Ibid.*; 'Nengyuan Zhuanjia Tan Zhongguo Yingdui Shiyou Anquande Jinmouyuanlüe', *Zhongguo Kuangye Bao*, 10 June 2003; Downs, 'The Chinese Energy Security Debate'; Zhang Wenmu, 'Jingji Quanqiuhuayu Zhongguo Haiquan', *Zhanlue yu Guanli*, no. 1, 2003, p. 90.

<sup>23</sup> 'Broad Prospects for Sino-Russian Energy Co-operation', *China Trade News*, 13 June 2003; Yang Zhongqiang and Cai Juan, 'Tingjin Zhongya Youqi Kaifa', *Zhongguo Guoqing Guoli*, 7 March 2002; Zhang, 'Jingji Quanqiuhua yu Zhongguo Haiquan'.

<sup>24</sup> Stephen Blank, 'The Strategic Importance of Central Asia: An American View', *Parameters*, vol. 38, Spring 2008; Eugene B. Rumer, Dmitri V. Trenin and Huasheng Zhao, *Central Asia: Views from Washington, Moscow, and Beijing* (Armonk, NY: M.E. Sharpe, 2007).

<sup>25</sup> Lanxin Xiang, 'Washington's Misguided China Policy', *Survival*, vol. 43, no. 3, Autumn 2001; François Godement, 'La Chine et son Occident', *Les Cahiers d'Asie*, no. 1, 2002, p. 185; He Xiquan, 'Daguo Zhanlüe yu Zhongya Diyuan Bianju', *Xiandai Guoji Guanxi*, no. 2, 2002, pp. 42–51; Liu Xuecheng, 'Zhongya Diyuan Zhanlue Diwei de Yanbian yu Meiguo de Zhengce', *Guoji Wenti Yanjiu*, no. 4, 2004, pp. 46–9.

<sup>26</sup> Chien-peng Chung, 'The Shanghai Co-operation Organization: China's Changing Influence in Central Asia', *China Quarterly*, vol. 180, December 2004; Niklas Swanström, 'China and Central Asia: A New Great Game or Traditional Vassal Relations?', *Journal of Contemporary China*, vol. 14, no. 45, November 2005; Shi Dongming and Zhang Jinfeng, 'Zhongya Shiyou Diyuan Jingji yu Zhongguo Diyuan Zhanlue', *Xueshu Jiaoliu*, December 2004; Zhang Wenmu, 'Meiguo de Shiyou Diyuan Zhanlue yu Zhongguo Xizang Xinjiang Diqu Anquan', *Zhanlue yu Guanli*, no. 2, 1998, pp. 100–4.

bởi nguồn tài nguyên năng lượng tại đây, và cuộc chiến chống khủng bố đã mang lại cho Washington cái cớ để tăng cường sự hiện diện của Mỹ ở khu vực này.<sup>27</sup>

Bởi thế, Trung Quốc trở nên chú trọng hơn tới việc đặt đường ống dẫn của Nga từ Angarsk, phía đông Siberia.<sup>28</sup> Dự án có khả năng được xây dựng ở cả hai quốc gia. Các công ty dầu mỏ của Trung Quốc và Nga tiến hành một nghiên cứu về tính khả thi cho một đường ống như vậy, nó sẽ chở dầu tới Đại Khánh với năng suất 400.000 thùng mỗi ngày cho đến năm 2005, tăng lên đến 600.000 thùng một ngày cho đến năm 2010.<sup>29</sup> Cuối năm 2002, Trung Quốc bắt đầu xem dự án như đã thỏa thuận xong, sẵn sàng được các vị nguyên thủ Giang Trạch Dân và Vladimir Putin ký kết tại hội nghị thượng đỉnh Bắc Kinh vào tháng 12 năm 2002. Tuy nhiên, hội nghị đã không đạt được thỏa thuận dự kiến. Đến lượt Moscow do dự, chính bởi một đề nghị của Nhật Bản vào năm 2002 về một đường ống cạnh tranh sẽ chạy từ Đông Siberia đến bờ biển Thái Bình Dương của Nga, mà Tokyo sẵn sàng cung cấp hỗ trợ tài chính. Với chiều dài gần gấp đôi và năng suất hơn gấp đôi so với dự án Angarsk - Đại Khánh, đường ống được đề xuất của Nhật Bản sẽ vận chuyển tới 1,6 triệu thùng một ngày qua 4.000 km giữa Taishet và vịnh Perevoznaya .

Mặc dù chính cuộc chiến chính trị giữa Tổng thống Putin và Mikhail Khodorkovsky, người đứng đầu Yukos - hơn là cuộc đối đầu Trung-Nhật, là nguyên do khiến thỏa thuận với Trung Quốc bị phá vỡ, bước ngoặt này quả thực là một bất ngờ đối với Bắc Kinh.<sup>30</sup> Chính phủ và các công ty dầu khí quốc gia Trung Quốc bàng hoàng vì cách thức thị trường dầu mỏ và khí đốt tự nhiên của thế giới biến đổi nhanh chóng từ có lợi cho người mua sang có lợi cho người bán.<sup>31</sup> Đến năm 2003, các cuộc đàm phán Trung- Nga đã chững lại và Moscow lợi dụng sự cạnh tranh giữa những lời đề nghị từ Tokyo và Bắc Kinh.<sup>32</sup>

---

<sup>27</sup> Xiquan, 'Daguo Zhanlue yu Zhongya Diyuan Bianju'; Liu Xuecheng, 'Zhongya Diyuan Zhanlue Diwei de Yanbian yu Meiguo de Zhengce', *Guoji Wenti Yanjiu*, no. 4, 2004, pp. 46–9; Zhang Youwen and Huang Renwei, *2004 Zhongguo Guoji Diwei Baogao* (Shanghai: Renmin Chubanshe, 2004), pp. 41–61; 249–63.

<sup>28</sup> David Hsieh, 'China Set to Be Bigger Player in Oil Arena', *Straits Times*, 16 February 2001; Gong Zhengzheng, 'State Seeks to Explore Overseas Oilfields', *Business Weekly*, 3 July 2001.

<sup>29</sup> Zhao Renfeng, 'Sino-Russian Oil Link Proposed', *China Daily*, 30 December 2002; Peter Wonacott, 'Thirsting for Oil, China is Eyeing Russian Supplies – This Week's Beijing Summit is Expected to Yield Accord on a 1,500- Mile Pipeline', *Wall Street Journal*, 2 December 2002

<sup>30</sup> Jiang and Sinton, 'Overseas Investments by Chinese National Oil Companies'.

<sup>31</sup> Zhou Qin, 'Jiyu Nengyuan Gonggei Anquan de Guojia Zhijian Nengyan Zhengce de Boqi: Jianping Zhong-Ri-E Jian de "Andaxian" yu "Anneixian" Zhizheng', *Zhongguo Gongye Jingji*, 12 December 2003; Downs, 'Sino-Russian Energy Relations', in Bellacqua (ed.), *The Future of China–Russia Relations*; Erica S. Downs, 'Brookings Foreign Policy Studies Energy Security Series: China', Brookings Institution, December 2006, <http://www.brookings.edu/~media/research/files/reports/2006/12/china/12china.pdf>

<sup>32</sup> Downs, 'Sino-Russian Energy Relations', in Bellacqua (ed.), *The Future of China–Russia Relations*.



## Chiến tranh vùng Vịnh lần thứ 2 và địa chính trị dầu mỏ

Trong năm 2002-03, địa chính trị dầu mỏ đã được thảo luận rộng khắp trong giới quan chức và phương tiện truyền thông chính thống của Trung Quốc. Đối với nhiều người ở Bắc Kinh, khoảng thời gian trước cuộc chiến tranh năm 2003 ở Iraq và việc Washington theo đuổi cuộc can thiệp quân sự tại đây đã khẳng định quan điểm rằng việc tiếp cận các nguồn cung dầu mỏ về cơ bản mang tính địa chính trị, đồng thời hối thúc những nỗ lực từ những người ra quyết định của Trung Quốc trong việc giảm thiểu phụ thuộc vào nguồn cung từ Trung Đông.<sup>33</sup> Cơ bản hơn, một số người ở Bắc Kinh xem Chiến tranh vùng Vịnh lần thứ hai là sự xác nhận việc Hoa Kỳ tìm cách mở rộng tầm kiểm soát đối với nguồn tài nguyên dầu mỏ toàn cầu.<sup>34</sup>

Dầu mỏ từ Iraq đóng góp dưới 1% nguồn cung dầu từ nước ngoài của Trung Quốc, nhưng viễn cảnh bất ổn trong khu vực chiếm tới một nửa lượng dầu nhập khẩu của Trung Quốc thật đáng lo ngại.<sup>35</sup> Rất nhiều người Trung Quốc lo ngại rằng một cuộc chiến tranh ở Iraq sẽ gây nguy hại cho các tuyến cung cấp dầu qua đường biển và đẩy giá thế giới tăng vọt, dẫn đến gia tăng chi phí nhập khẩu cho Bắc Kinh, qua đó gây thiệt hại cho tăng trưởng kinh tế Trung Quốc.<sup>36</sup> Hơn nữa, theo nhiều nhà phân tích Trung Quốc, bởi cuộc xâm lược do Mỹ dẫn đầu là nhằm mục tiêu kiểm soát dầu mỏ của Iraq, họ lo sợ rằng nó chắc chắn sẽ dẫn đến việc hủy bỏ các hợp đồng dầu của Trung Quốc tại đây. Một số nhà phân tích dự đoán rằng nỗ lực của Washington trong việc kiểm soát nguồn tài nguyên năng lượng không chỉ giới hạn tại Iraq mà còn mở rộng sang Iran và Ả rập Xê út, điều đó cho thấy Trung Quốc có được an ninh dầu mỏ là nhờ có Hoa Kỳ.<sup>37</sup>

Một lập luận thống nhất trong các viện nghiên cứu chính sách chiến lược và đối ngoại của Trung Quốc là Mỹ đang tìm cách bao vây Trung Quốc và ngăn chặn “sự ảnh hưởng của Trung Quốc gia tăng trong khu vực”. Sau vụ việc ngày 11/9, các

<sup>33</sup> Liu Chengli, ‘Zhongguo Shiyou Fazhan Zhanlue Yanjiu’, *Shiyou Daxue Xuebao*, no. 1, 2004; Li Xinxin, ‘Zhongguo Nengyuan Anquan de Bage Shijiao’, *Liaowang*, 31 March 2003; Yang Zhongqiang, ‘Zhongguo de Nengyuan Anquan Ji Zhanlue Xuanze’, *Guoji Luntan*, May 2004; Kenneth Lieberthal and Mikal E. Herberg, ‘China’s Search for Energy Security: Implications for U.S. Policy’, *NBR Analysis*, vol. 17, no. 1, April 2006; Wu Lei, ‘Yilake Zhanzheng Dui Woguo Shiyou Anquan de Yingxing’, *Guoji Luntan*, vol. 5, no. 4, July 2003, pp. 28–33.

<sup>34</sup> Gaye Christoffersen, ‘The Dilemmas of China’s Energy Governance: Recentralization and Regional Cooperation’, *China and Eurasia Forum Quarterly*, vol. 3, no. 3, 2005; Shi and Zhang, ‘Zhongya Shiyou Di Yuan Jingji yu Zhongguo Di Yuan Zhanlue’; Wu, ‘Yilake Zhanzheng Dui Woguo Shiyou Anquan de Yingxing’; Zhang and Huang, *2004 Zhongguo Guoji Diwei Baogao*; Yang Guang (ed.), ‘Zhongdong Feizhou Fazhanbaogao 2003–04: Afuhan Zhanzheng Hou de Zhongdong Wenti’, *Shehui Kexue Wenxian Chubanshe*, June 2004.

<sup>35</sup> Bo, *China’s International Petroleum Policy*, pp. 54–7.

<sup>36</sup> ‘Tebie Cehua: Duiyi Zhanzheng Zhongguo Jingji Sunshi You Duoda?’, *People’s Daily*, 12 June 2003, <http://www.people.com.cn/GB/jinji/31/179/20030225/930064.html>.

<sup>37</sup> Wu, ‘Yilake Zhanzheng Dui Woguo Shiyou Anquan de Yingxing’.

nhà phân tích Trung Quốc cho rằng Washington sẽ đạt được điều này bằng cách cản trở tiếp cận đầu mỏ của Bắc Kinh thông qua việc tăng cường sự hiện diện của Mỹ tại Trung và Nam Á.<sup>38</sup> Mặc dù Trung Quốc ban đầu ủng hộ "cuộc chiến chống khủng bố" của Mỹ, quốc gia này ngày càng ngờ vực sự hiện diện của Mỹ ở Trung Á khi các cuộc cách mạng màu bắt đầu diễn ra, và gia tăng quan ngại rằng các tuyến năng lượng trên bộ sẽ bị đe dọa bởi các cuộc cải cách chính trị mà Washington được cho là đã bố trí hoặc khuyến khích thực hiện.<sup>39</sup>

### ***Thế "tiên thoái lưỡng nan tại Malacca"***

Cùng với tình trạng an ninh bất ổn xuất phát từ sự phụ thuộc vào Trung Đông về nhập khẩu dầu, những quan ngại về khó khăn đối với các tuyến đường ống dẫn dầu trên đất liền khiến các nhà phân tích Trung Quốc chú ý đến sự mong manh của các tuyến đường vận chuyển hàng hải (SLOC). Con số hơn 80% dầu nhập khẩu của Trung Quốc được vận chuyển qua eo biển Malacca đã dẫn đến hàng loạt các cuộc thảo luận về "tình thế tiến thoái lưỡng nan tại Malacca".<sup>40</sup> Chủ tịch Hồ Cẩm Đào chủ trương sửa đổi chiến lược nhập khẩu dầu của Trung Quốc bởi lý do "vài nước lớn cố gắng kiểm soát đường giao thông vận tải tại Malacca".<sup>41</sup> Một số chuyên gia phân tích Trung Quốc lo ngại rằng Washington ra sức chiếm lấy lợi thế địa chính trị tại eo biển Malacca nhằm kiểm soát sự trỗi dậy của Trung Quốc và các cường quốc khác, và kiểm soát dòng chảy năng lượng trên thế giới.<sup>42</sup> Những chuyên gia khác lo ngại rằng Washington có thể ngưng dòng chảy dầu qua đường biển vào Trung Quốc nếu nước này có hành động quân sự chống lại Đài Loan.<sup>43</sup> Hơn nữa, nhiều ý kiến cho rằng Hoa Kỳ sẽ dùng sự hiện diện của mình tại eo biển Malacca để ngăn chặn sự xâm nhập của lực lượng Hải quân thuộc Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc

---

<sup>38</sup> Dan Blumenthal, 'Concerns with Respect to China's Energy Policy', in Gabriel B. Collins et al. (eds), *China's Energy Strategy: The Impact on Beijing's Maritime Policies* (Annapolis, MD: Naval Institute Press, 2008).

<sup>39</sup> *Ibid.*

<sup>40</sup> Ian Storey, 'China's "Malacca Dilemma"', *China Brief*, vol. 6, no. 8, May 2006; Zhao Hongtu, 'Maliujia Kunju yu Zhongguo Nengyuan Anquan Zai Sikao', *Xiandai Guoji Guanxi*, no. 6, 2007, pp. 40–1.

<sup>41</sup> Gabe Collins, 'China Seeks Oil Security with New Tanker Fleet', *Oil & Gas Journal*, October 2006, <http://www.ogj.com/articles/print/volume-104/issue-38/general-interest/china-seeks-oil-security-with-new-tanker-fleet.html>; Zhang Wenmu, 'Sea Power and China's Strategic Choices', *China Security*, vol. 2, no. 2, Summer 2006.

<sup>42</sup> Shi Hongtao, 'Zhongguo Nengyuan Anquan de Qianzai Weixie: Guodu Yilai Maliujia Haixia', *Zhongguo Qingnian Bao*, 15 June 2004, [http://news.xinhuanet.com/world/2004-06/15/content\\_1526222.htm](http://news.xinhuanet.com/world/2004-06/15/content_1526222.htm).

<sup>43</sup> Chen Shaofeng, 'China's Self-Extrication from the "Malacca Dilemma" and Implications', *International Journal of China Studies*, vol. 1, no. 1, January 2010, pp. 1–24.

(PLAN) vào các vùng biển xa, một điều kiện tiên quyết cho sự trỗi dậy của Trung Quốc với vai trò là một nước lớn trên thế giới.<sup>44</sup>

Những thách thức nan giải đến từ nhập khẩu trên bộ và trên biển khiến các nhà phân tích phải thăm dò những địa điểm khác. Họ cho rằng Trung Quốc ngày càng trở nên dễ tổn thương khi sự phụ thuộc ngày càng lớn vào dầu mỏ nhập khẩu do Trung Quốc không có được ảnh hưởng ngoại giao và quân sự như của Hoa Kỳ.<sup>45</sup> Do hải quân Trung Quốc không thể đảm bảo được các tuyến đường giao thông trên biển tới khu vực Trung Đông trong khi những đồng sự phía Mỹ thì có thể, và do sự hiện diện của Mỹ tại Trung Á gia tăng, họ cho rằng Trung Quốc nên hợp tác với các nước láng giềng tại Châu Á, ít nhất là cho đến khi Bắc Kinh có thể tăng cường được năng lực hải quân của mình. Một số nhà chiến lược Trung Quốc cho rằng Nhật Bản đặc biệt sẽ được hưởng lợi từ đường ống dẫn khí đốt tự nhiên đông-tây của Trung Quốc, vì điều này sẽ hỗ trợ sự ổn định tại khu vực châu Á -Thái Bình Dương bằng cách thiết lập mối quan hệ chung thông qua việc hợp tác năng lượng.<sup>46</sup> Những người khác không mấy tin tưởng Tokyo và lo ngại về khả năng của Lực lượng tự vệ Hàng hải Nhật Bản, cũng như liên minh chiến lược Nhật-Mỹ. Họ xem sự hợp tác ngày càng khăng khít của Tokyo với New Delhi là một vấn đề đáng quan ngại.<sup>47</sup> Ấn Độ được xem là một đối thủ tiềm năng trên thế giới, với ngành hải quân đang được hiện đại hóa nhanh chóng, có thể sử dụng sức mạnh vượt trội hơn so với PLAN tại Ấn Độ Dương để giành được đòn bẩy chiến lược.<sup>48</sup>

Cuộc tranh luận về an ninh năng lượng hàng hải đã được Chủ tịch Hồ thông qua vào ngày 29/11/2003 tại Hội nghị Công tác Kinh tế Trung ương hàng năm. Chủ tịch Hồ xem dầu mỏ là một khía cạnh của an ninh kinh tế và bày tỏ quan ngại về việc Trung Quốc phụ thuộc nhiều vào eo biển Malacca, đồng thời ông đã triệu tập một phiên họp chính phủ kín để tìm ra lối thoát cho tình thế tiến thoái lưỡng nan tại Malacca.<sup>49</sup>

Các sĩ quan quân đội Trung Quốc khi tham gia vào các cuộc tranh luận đều xem xét thế lưỡng nan này dưới góc nhìn của Alfred Thayer Mahan, rằng "ai kiểm

---

<sup>44</sup> Zhang, 'Jingji Quanqiuhua yu Zhongguo Haiquan'.

<sup>45</sup> *Ibid.*

<sup>46</sup> Zhang Wenmu, 'Zhongguo Nengyuan Anquan yu Zhengce Xuanze', *Shijie Jingji yu Zhengzhi*, no. 5, May 14, 2003, pp. 11–6.

<sup>47</sup> Andrew Erickson and Gabe Collins, 'Beijing's Energy Security Strategy: The Significance of a Chinese State-Owned Tanker Fleet', *Orbis*, vol. 51, no. 4, Autumn 2007, p. 670; Collins et al. (eds), *China's Energy Strategy*.

<sup>48</sup> *Ibid.*

<sup>49</sup> Chen Ting and Xing Wei, 'Zhongguo Yuanyou Jinkou yu Po Maliujia Kunju Taiguo Luxiantu Sheng Zhuanji', *21 Shijie Jingji Baodao*, 12 February 2004; 'Nengyuan Anquan Caoyu "Maliujia Kunju"; Zhong-Ri-Han Nengfou Xieshou?', *Zhongguo Qingnianbao*, 15 June 2004, <http://business.sohu.com/2004/06/15/49/article220534904.shtml>.

soát các vùng biển sẽ là người kiểm soát toàn bộ thế giới”, và “sẽ cực kì nguy hiểm đối với một cường quốc như Trung Quốc khi trở nên quá phụ thuộc vào nhập khẩu nước ngoài mà không có sự phòng vệ đầy đủ”.<sup>50</sup> Những điểm và kiến nghị chính được các chuyên gia phân tích đưa ra xoay quanh việc Trung Quốc nên bắt đầu xây dựng một hạm đội tàu chở dầu cực lớn, và mở rộng các tuyến đường cung cấp năng lượng trong khu vực Đông Nam Á qua đường thủy trên sông Mekong Côn Minh-Bangkok, đường bộ Côn Minh - Bangkok, tuyến đường sắt liên Á và đường bộ Nam Ninh-Hà Nội.<sup>51</sup> Sự phụ thuộc của Trung Quốc vào các tàu đi thuê dường như là một điểm yếu có thể bị các quốc gia khác lợi dụng khai thác, khiến cho một số chuyên gia tại Bắc Kinh phải chủ trương phát triển hạm đội tàu chở dầu cực lớn. Điều này cho phép dầu nhập khẩu được chuyên chở bởi các công ty Trung Quốc và do các tàu của chính nước này đảm nhiệm.<sup>52</sup> Một mục tiêu khác nhận được nhiều sự ủng hộ mạnh mẽ từ PLAN, đó là phát triển lực lượng hải quân hùng mạnh để bảo vệ những tuyến đường vận chuyển trên biển. Một số chuyên gia cũng cho rằng Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc nên cùng nhau xây dựng tuyến đường thủy, đặt tên là “Kênh Kola”, xuyên qua eo biển Kra ở Thái Lan. “Kênh đào Panama của Châu Á” này sẽ dài khoảng 90 -100km, tùy thuộc vào tuyến đường được chọn, và xuyên tới biển Andaman.<sup>53</sup>

### ***Bảo vệ tuyến đường vận chuyển giao thương trên biển và “vươn ra ngoài” để tìm kiếm năng lượng***

Không có gì ngạc nhiên khi lập trường của PLAN cho rằng sự hiện diện quân sự là cần thiết để bảo vệ dòng chảy của tài nguyên thiên nhiên.<sup>54</sup> Tuy nhiên, những bài viết về vấn đề này từ các nhà phân tích quân sự còn rất hiếm, có lẽ là do hạn chế về việc công khai thảo luận những vấn đề nhạy cảm như vậy.<sup>55</sup> Một số lượng ít các bài viết được công khai về chủ đề này thường tập trung vào sự yếu kém của hải quân Trung Quốc và khả năng hạn chế trong việc đảm bảo tuyến đường giao

<sup>50</sup> Erickson and Collins, ‘Beijing’s Energy Security Strategy’.

<sup>51</sup> Chen, ‘China’s Self-Extrication from the “Malacca Dilemma” and Implications’.

<sup>52</sup> ‘China Must Carry 60% of Seaborne Oil Imports on Local Shippers’, Xinhua, 14 June 2007; ‘More Oil Tanker Taking to the Sea’, *China Daily*, 14 June 2007.

<sup>53</sup> Collins et al. (eds), *China’s Energy Strategy*; Zhang Yuncheng, ‘Maliujia Haixia yu Shijie Shiyuanquan’, *Huanqiu Shibao*, 5 December 2003, <http://www.people.com.cn/GB/paper68/10833/983912.html>; Guo Ling, ‘Experts Suggest Need to Build a “Panama Canal” in Asia’, *Wen Wei Po*, 14 January 2004; Zhang, ‘Sea Power and China’s Strategic Choices’; Wu Lei and Shen Qinyu, ‘Will China Go to War Over Oil?’, *Far Eastern Economic Review*, April 2006, p. 38.

<sup>54</sup> Wu Shengli and Hu Yanlin, ‘Duanzao Shiyong Wojun Lishi Shiming Yaoqiu de Qiangda Renminhaijun’, *Qiushi*, no. 17, 2007, <http://military.people.com.cn/GB/1078/5993685.html>.

<sup>55</sup> Gabriel B. Collins, Andrew S. Erickson and Lyle J. Goldstein, ‘China’s Naval Analysts Consider the Energy Question’, in Collins et al. (eds), *China’s Energy Strategy*, p. 301.

thương trên biển bất chấp thực tế rằng một lệnh phong tỏa của Mỹ thường được coi là mối đe dọa lớn nhất đối với an ninh năng lượng của Trung Quốc. Đồng thời, dòng chảy tài nguyên thiên nhiên cũng được xem là một lĩnh vực tiềm năng đối với hợp tác nước ngoài.<sup>56</sup> Một chiến lược ba điểm được đề xuất trong một ấn phẩm bao gồm việc "khiến Mỹ không sẵn lòng cắt đứt các tuyến đường cung dầu của Trung Quốc, không dám làm như vậy và không thể làm như vậy".<sup>57</sup> Mặc dù quan điểm của PLAN về an ninh năng lượng vẫn rất khó để xác thực, song những ý kiến đã được đưa ra vẫn luôn thống nhất về việc tăng cường sức mạnh hải quân Trung Quốc để phòng vệ cho ngày càng nhiều những mục tiêu toàn cầu của đất nước này. Tuy nhiên, như các nhà quan sát Trung Quốc đã chỉ ra, hải quân có thể chỉ đơn thuần đang vận động hành lang nhằm tăng tỷ lệ trong ngân sách quân sự.<sup>58</sup>

Nhiều người tranh luận rằng mối quan hệ tương lai quan trọng nhất của Trung Quốc chính là với các nước sản xuất. Các cựu Đại sứ Trung Quốc tại các quốc gia sản xuất dầu mỏ, và các học giả tại các viện nghiên cứu chính sách đối ngoại và các trường đại học, là những người ủng hộ chủ yếu cho chiến lược này; ngoài ra, các công ty dầu mỏ cũng thông qua chiến lược như là một cách để bảo đảm cơ hội đầu tư.<sup>59</sup> Họ hy vọng rằng mối quan hệ gần gũi với các nước sản xuất dầu sẽ đảm bảo nguồn cung liên tục trong suốt cuộc khủng hoảng toàn cầu. Trung Quốc có thể đề nghị với các quốc gia sản xuất dầu mỏ những lợi ích về chính trị và kinh tế để đổi lấy việc tiếp cận năng lượng, và có thể hỗ trợ các đồng minh giảm thiểu "sự độc quyền của phương Tây" trong lĩnh vực dầu mỏ bằng cách đa dạng hóa các mối quan hệ đối tác nước ngoài của họ. Các học giả Trung Quốc cho rằng duy trì mối quan hệ tốt với Trung Quốc có thể giúp các quốc gia Trung Đông kiềm chế Mỹ ở một mức độ nhất định, tăng cường ngoại giao để vận động khi cần và đa dạng hóa các nguồn đảm bảo an ninh của các nước đó. Họ cũng khẳng định rằng Bắc Kinh có thể sử dụng sức mạnh đang gia tăng của mình, tham gia vào các vấn đề quốc tế và

---

<sup>56</sup> *Ibid.*, pp. 311–26.

<sup>57</sup> *Ibid.*, p. 326.

<sup>58</sup> Interview with an analyst at the China Institute of Contemporary International Relations, Beijing, 2007.

<sup>59</sup> Yang Zhongqiang, 'Zhongya Shiyou yu 21 Shiji de Shiyou Anquan', *Guoji Luntan*, vol. 3, no. 1, February 2001, pp. 34–39; Wu Lei, 'Zhongdong Shiyou yu Zhongguo Weilai Shiyou Xuqiu Pingheng', *Shijie Jingji yu Zhengzhi*, no. 3, 1997, pp. 30–3; Wu Lei, 'Zhongguo de Shiyou Anquan yu Zhongdong Wuda Chanyouguo de Shiyou Zhengce', *Xiya Feizhou*, no. 2, 2002, pp. 58–64; Wu Hui, Zhu Yu and Liu Junan, 'Zhongguo Shihua Tuanti Gongsì Liyong Guoji Shiyou Ziyuan de Zhanlue yu Duice Yanjiu', *Dangdai Shiyou Shihua*, vol. 9, no. 1, 2001, p. 32.

vị trí thường trực tại Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc để duy trì lợi ích của các nước sản xuất dầu mỏ.<sup>60</sup>

Nhiều nhà phân tích chính sách đối ngoại của Trung Quốc vẫn giữ quan điểm rằng các nước sản xuất dầu cần các khoản thu lớn hơn đến từ các thị trường xuất khẩu đang phát triển cho sản phẩm của mình, và Trung Quốc chính là một thị trường như vậy. Các chuyên gia cho rằng sự phụ thuộc lẫn nhau nhiều hơn nữa về kinh tế giữa Trung Quốc và các quốc gia giàu dầu mỏ sẽ giúp đảm bảo tiếp cận năng lượng, tăng cường thương mại và đầu tư lẫn nhau, và khiến cho các doanh nghiệp xuất khẩu khó có thể từ chối xuất khẩu dầu cho Bắc Kinh.<sup>61</sup>

Các chuyên gia khác nghiêng về thực tiễn đã phổ biến là đầu tư vào tài sản dầu mỏ. Chiến lược khai thác dầu nhận được sự ủng hộ về mặt lý thuyết lẫn chiến lược: tiền đề cơ bản là việc sở hữu dầu thông qua đầu tư nước ngoài và thiết lập “các căn cứ dầu mỏ” ở nước ngoài sẽ cung cấp cho người tiêu dùng nguồn cung dầu an toàn hơn và ít tốn kém hơn so với dầu đã có sẵn trên thị trường quốc tế.<sup>62</sup> Việc tham gia mua tài sản sản xuất dầu có thể giảm thiểu rủi ro về giá trên thị trường bởi cách làm này cho phép các nhà đầu tư dự đoán chính xác lượng dầu họ sẽ nhận được, và chi phí trong suốt vòng đời của hoạt động đó. Theo thời gian, cổ phần dầu có thể cung cấp một mức giá nhìn chung thấp hơn nhiều so với giá trên thị trường quốc tế bởi chính người mua sẽ sản xuất và vận chuyển sản phẩm dưới mức giá cân bằng của thị trường. Quyền sở hữu cổ phần có thể tăng cường an ninh năng lượng bằng cách loại bỏ nhu cầu trung gian, chẳng hạn như các công ty dầu mỏ nước ngoài, những người có thể làm gián đoạn nguồn cung.<sup>63</sup>

Cuộc tranh luận về việc khai thác dầu ngoài nước dần lan rộng cả trên báo chí Trung Quốc, những cơ quan vốn ủng hộ tăng cường hỗ trợ ngoại giao cho các khoản đầu tư ở nước ngoài. Một bài viết về nhu cầu năng lượng của Trung Quốc xuất hiện trên trang web nổi tiếng của tờ *Nhân dân Nhật báo* (People’s Daily), cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Trung Quốc, dưới tiêu đề “Tìm Kiếm nguồn năng lượng mới: An ninh năng lượng của Trung Quốc nhằm vào bốn mặt trận”. Bài

<sup>60</sup> Wu Qiang and Qian Xuemei, ‘Zhongguo yu Zhongdong de Nengyuan Hezuo’, *Zhanlue yu Guanli*, no. 2, 1999. See also Yu Weidong, ‘Zhongguo yu Zhongdong Diqu Guojia Jingmao Hezuo Xianzhuang He Qianjing Fenxi’, *Shijie Jingji Yanjiu*, no. 12, 2006, pp. 75–80.

<sup>61</sup> Yang, ‘Zhongya Shiyou yu 21 Shiji de Shiyou Anquan’; Wu, ‘Zhongdong Shiyou yu Zhongguo Weilai Shiyo Xuqiu Pingheng’; Jin Liangxiang, ‘Mianxiang Weilai de Zhongguo yu Zhongdong Nengyuan Guanxi’, *Alabo Shijie Yanjiu*, no. 4, 2006, pp. 28–32; Shu Xianlin, ‘Lengzhanhou Daguo Zhongdong Shiyou Zhi Zheng yu Zhongguo Shiyou Anquan’, *Zhangjiang Daxue Xuebao*, vol. 28, no. 2, April 2005, pp. 74–8; Zha Daojiong, *Zhongguo Shiyou Anquan de Guoji Zhengzhi Jingjixue Fenxi* (Beijing: Dangdai Shijie Chubanshe, 2005).

<sup>62</sup> Wu and Qian, ‘Zhongguo yu Zhongdong de Nengyuan Hezuo’.

<sup>63</sup> Downs, ‘The Chinese Energy Security Debate’, pp. 21–42.

báo cho rằng Trung Quốc phải "dốc hết toàn bộ sức lực" vì nguồn tài nguyên năng lượng bởi nước này không còn sự lựa chọn nào khác.<sup>64</sup> Đối với một số nhà phân tích, sự phụ thuộc của Trung Quốc vào dầu mỏ nước ngoài khiến cho an ninh năng lượng trở thành vấn đề cốt lõi đối với sự tồn tại của quốc gia, vì vậy đây là một vấn đề chiến lược quốc gia quan trọng.<sup>65</sup>

Việc thúc đẩy đầu tư cổ phần dầu mỏ khiến các nhà lãnh đạo nhận thức rằng sự phụ thuộc vào thị trường quốc tế là một điểm yếu, đồng thời ủng hộ nguyên tắc của chủ nghĩa Mao lâu nay là cần phải đảm bảo tự cung năng lượng.<sup>66</sup> Các chuyên gia Trung Quốc mong muốn rằng, trong những giai đoạn khủng hoảng, các công ty dầu khí quốc gia của Trung Quốc sẽ ưu tiên lợi ích của nhà nước hơn là của doanh nghiệp.<sup>67</sup> Nếu Bắc Kinh có tiền nhưng không thể mua được dầu, như các quan chức thuộc Ủy ban Kế hoạch Nhà nước lo ngại trước đó, các công ty đó có thể chuyển lượng dầu sản xuất thông qua cổ phần nước ngoài của họ sang Trung Quốc.<sup>68</sup>

Đầu những năm 2000, nhiều chuyên gia tin rằng Trung Quốc nên phát triển các tài sản và năng lực ở nước ngoài vì các mục đích thương mại, cũng như để bù đắp cho các điểm yếu chiến lược.<sup>69</sup> Các nhà phân tích tại Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Ủy ban Kinh tế và Thương mại Quốc gia, và Trung tâm Nghiên cứu Phát triển đề nghị tăng lượng dầu cổ phần sản xuất bởi các công ty Trung Quốc ở nước ngoài và vận chuyển trở lại Trung Quốc, bất chấp chi phí vận chuyển đường dài khá lớn.<sup>70</sup>

---

<sup>64</sup> Xunzhao, "'Xinxue": Zhongguo Nengyuan Simian Chuji', August 2004, <http://finance.people.com.cn/GB/8215/36401/index.html>.

<sup>65</sup> Zhang Lijun, 'Nengyuan Anquan yu Wai Jiao', *Beijing Weekly*, no. 29, 2005.

<sup>66</sup> Downs, 'The Chinese Energy Security Debate'.

<sup>67</sup> Một số chuyên gia phân tích và các quan chức phương Tây tin rằng điều này đúng với các công ty đa quốc gia của các nước, mặc dù hầu hết các ngành phương Tây không do nhà nước sở hữu trực tiếp. Cuộc phỏng vấn với các quan chức Trung Quốc và phương Tây, Bắc Kinh, tháng 12 năm 2005.

<sup>68</sup> Linda Jakobson and Dean Knox, 'New Foreign Policy Actors in China', Stockholm International Peace Research Institute, September 2010, <http://books.sipri.org/files/PP/SIPRI26.pdf>. Cũng như nhiều người khác, Linda Jakobson đã lập luận rằng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, một tổ chức hành chính rất bảo thủ, đã hoài nghi thị trường toàn cầu và xem việc đầu tư vào cổ phiếu là một phương thức quan trọng của việc đảm bảo an ninh năng lượng. Mặc dù quan điểm trước đó có thể đúng, nhiều phân tích của Viện nghiên cứu Năng lượng và các tổ chức liên kết đã không đồng ý các khoản đầu tư về khai thác và sản xuất dầu, thay vào đó, hướng đến sự cần thiết phải đa dạng hóa các sản phẩm thay thế dầu, tăng tỷ trọng khí đốt tự nhiên trong hỗn hợp năng lượng của Trung Quốc, nâng cao hiệu quả và tiết kiệm năng lượng, hoặc theo đuổi hợp tác năng lượng với các nước tiêu thụ tại châu Á khác. Xem Song Wucheng, 'Zhongguo Zai 21 Shiji Kaifa Liyong Tianranqi de Fazhan Zhanlue'; Wang Jiacheng, 'Woguo Ying Caiqu Jinkou Shiyou Tidau Zhanlue'; and Zhou Dadi and Yang Qin, 'Dongbeiya Qianzai de Nengyuan Weiji yu Quyue Hezuo', in Fu (ed.), *China's Oil Development Strategy in the 21st Century*.

<sup>69</sup> Jia Wenrui, *Zhongguo Nengyuan, Huanjing yu Shiyou Gongye Fazhan* (Beijing: Shiyou Gongye Chubanshe, 2002).

<sup>70</sup> Tian Chunrong, '2001 Nian Zhongguo Shiyou Jin-Chukou Fenxi', *Guoji Shiyou Jingji*, 20 March 2002; Wu and Qian, 'Zhongguo yu Zhongdong de Nengyuan Hezuo', p. 51.

## **Phải chăng những bất ổn năng lượng của Trung Quốc là một vấn đề nội địa?**

Cuộc khủng hoảng năng lượng tồi tệ nhất của Trung Quốc không phải bắt nguồn từ vấn đề địa chính trị hay do gián đoạn nguồn cung dầu diễn ra bên ngoài đường biên giới quốc gia. Thay vào đó, cuộc khủng hoảng hoàn toàn có nguồn gốc từ trong nước. Tình trạng thiếu điện bắt đầu vào năm 2002 và tiếp tục tồn tại vào năm 2005, đạt đỉnh điểm vào năm 2004, khi mà sự thiếu hụt sản lượng điện trong nước diễn ra tại 24 trong số 31 tỉnh thành.<sup>71</sup> Nguyên nhân của tình trạng thiếu hụt đến từ một quyết định áp đặt lệnh cấm ba năm đối với các khoản đầu tư mới vào lĩnh vực năng lượng, được đưa ra trong bối cảnh hậu khủng hoảng tài chính châu Á 1997-1998. Vào thời điểm đó, Trung Quốc đã phải đối mặt với việc dư thừa năng lượng, với 40% số địa phương bị dư thừa công suất.<sup>72</sup> Sự dư thừa này, kết hợp với những dự báo về sự chững lại trong cả tăng trưởng kinh tế và gia tăng nhu cầu điện sau khủng hoảng, khiến cho Bắc Kinh ngăn cấm việc xây dựng nhà máy điện đốt than trong 3 năm. Kết quả là, đầu tư vào lĩnh vực năng lượng giảm sút, dẫn đến sự sụt giảm lớn trong sản lượng điện.<sup>73</sup> Tuy nhiên, sau khi Trung Quốc gia nhập WTO vào năm 2001 và nền kinh tế lấy lại đà tăng trưởng nhanh hơn dự kiến, sự tăng vọt bất ngờ về nhu cầu điện đã làm tăng mạnh nhập khẩu dầu của Trung Quốc, khi người tiêu dùng mua dầu diesel để chạy máy phát điện ngoài lưới và các nhà sản xuất than đã buộc phải vận chuyển các nguồn cung ứng bằng đường bộ do đường sắt bị quá tải. Tình trạng thiếu hụt và tắc nghẽn năng lượng, và vai trò của thị trường dầu mỏ và than đá quốc tế trong việc xoa dịu các khó khăn này, đã thách thức những nhận thức thông thường rằng năng lượng nội địa an toàn hơn các nguồn cung ngoại quốc.<sup>74</sup>

Sự thiếu hụt năng lượng trên diện rộng như vậy trùng hợp với sự kiện chuyển giao từ thế hệ lãnh đạo thứ ba, đứng đầu là Giang Trạch Dân và Chu Dung Cơ, sang thế hệ thứ tư, dưới sự lãnh đạo của Hồ Cẩm Đào và Ôn Gia Bảo, và nó cũng đặt vấn đề an ninh năng lượng lên hàng đầu trong chương trình nghị sự của Bắc Kinh. Trong vòng một vài năm, sự chú ý chuyển từ an ninh dầu mỏ sang an

<sup>71</sup> Emma Graham-Harrison, 'China 2006 Peak Power Shortages to Ease 60%', Reuters, 20 March 2006.

<sup>72</sup> 'Analysis – Highly Political Energy', *Petroleum Economist*, 1 December 2000.

<sup>73</sup> 'Electricity Shortage in 2004: 30% Natural Disasters and 70% Human Error', Xinhua, 22 December 2004; 'China Transport Bottleneck for C

<sup>74</sup> Erica Downs, 'China's Energy Bureaucracy: The Challenge of Getting the Institutions Right', in Michal Meidan (ed.), *Shaping China's Energy Security: The Inside Perspective* (Paris: Asia Centre, 2007).



ninh năng lượng một cách toàn diện hơn.<sup>75</sup> Khủng hoảng năng lượng ở Trung Quốc đã làm lộ rõ các giới hạn của mô hình phát triển "tăng trưởng bằng mọi giá" của Giang và Chu, và chắc chắn đã giúp tạo ra một sự đồng thuận giữa các nhà lãnh đạo mới rằng việc điều chỉnh nhu cầu, thực chất là vấn đề chính sách trong nước, chính là chìa khóa tạo nên một nền kinh tế bền vững.<sup>76</sup>

Trong năm 2003, chiến lược đầu mỏ của Trung Quốc yêu cầu có sự thay đổi rõ ràng. Mùa hè năm đó, Ôn Gia Bảo ủy nhiệm cho Trung tâm Nghiên cứu Phát triển và Viện nghiên cứu năng lượng thực hiện một báo cáo về chiến lược năng lượng dài hạn.<sup>77</sup> Một loạt các cuộc họp khẩn cấp và các buổi hội thảo trong ngành năng lượng đã được tổ chức cùng lúc, khi các quan chức cố gắng học hỏi từ tình trạng thiếu hụt điện ở nước ngoài. Bên lề một hội thảo như vậy, Zhang Guobao, Phó Chủ tịch Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, tiết lộ rằng "vấn đề được nhiều người quan tâm hiện nay là liệu việc cải cách ngành công nghiệp năng lượng có phải là một nhân tố ảnh hưởng đến an ninh năng lượng quốc gia hay không".<sup>78</sup>

### ***Những người ủng hộ phía cầu chiếm ưu thế***

Đến cuối năm 2003, các nhà hoạch định Trung Quốc đã suy tính giải pháp cho những gì được xem là cuộc khủng hoảng năng lượng sắp diễn ra. Ma Kai thuộc Ủy ban Cải cách và Phát triển Quốc gia nhấn mạnh việc bảo tồn năng lượng, vấn đề vốn đã chính thức được đưa ra trong suốt 24 năm qua nhưng lại bị bỏ qua để tập trung vào việc đầu tư nguồn cung lớn hơn. Trong kế hoạch bảo tồn năng lượng năm năm lần thứ 11, việc bảo tồn được mô tả như một vấn đề an ninh-năng lượng đòi hỏi khâu hoạch định của nhà nước tốt hơn nữa.<sup>79</sup>

Tháng 11/2003, Trung tâm Nghiên cứu Phát triển đã trình lên các nhà lãnh đạo cấp cao một dự thảo ban đầu của bản kế hoạch năng lượng quốc gia; tài liệu đề xuất rằng tính hiệu quả cần được ưu tiên trong chiến lược năng lượng của Trung

<sup>75</sup> 'Zhongguo Zhongjian Nengyuanbu?', *Business Watch Magazine*, 5 May 2005, p. 49; Zheng Min and Chu Fujun, 'Nengyuanbu Huzhiyuchu?', *Zhongguo Shiyou Shihua*, no. 1, 2005, p. 28.

<sup>76</sup> 'Chinese Leaders Caution Against Urban Sprawl', *Industry Updates*, 23 August 2006; 'Chinese Premier Stresses Energy Saving', *Industry Updates*, 21 August 2006; 'Survival Strategy', Economist Intelligence Unit, 24 October 2005; 'Chinese President Outlines Energy Conservation and Development Policies', BBC, 29 June 2005.

<sup>77</sup> Shu Xianlin, 'Competition Among Big Powers for Middle Eastern Oil after the Cold War and Implications for China's Oil Security'; Li Weijian, 'Zhongdong Nengyuan yu Zhongguo de Heping Jueqi', *Dangdai Shiyou Shihua*, vol. 12, no. 9, September 2004, pp. 26–30; 'Chinese Premier Urges Integrated Strategy to Develop Energy Resources', BBC, 27 May 2003.

<sup>78</sup> Christoffersen, 'The Dilemmas of China's Energy Governance'; 'China: Regulated Regulator', Economist Intelligence Unit, 24 November 2003.

<sup>79</sup> Ma Kai, 'Guanche Luoshi Jieyue Nengyuan Jiben Guoce Jiakuai Jianshe Jienengxing Shehui', *Jingji Ribao*, 19 December 2005, <http://theory.people.com.cn/GB/49169/49171/3954652.html>.

Quốc. Các quan chức đã thông qua dự thảo đã được sửa đổi nhiều lần trong vòng vài tháng. Văn bản cuối cùng là đỉnh điểm của cuộc tranh luận giữa những người ủng hộ các phương pháp tiếp cận khác nhau đối với an ninh năng lượng ở Trung Quốc.

Một vài trong số những tiếng nói có tầm ảnh hưởng nhất trong cuộc tranh luận cuối cùng được tập hợp lại trong một nghiên cứu chung giữa Viện Nghiên cứu Năng lượng và Trung tâm Nghiên cứu Phát triển; nghiên cứu này đã vạch ra một chiến lược năng lượng cho Trung Quốc đến năm 2020, cho rằng mô hình phát triển kinh tế của nhà nước nên được chuyển đổi và quản lý tốt hơn nhu cầu trong nước, và Bắc Kinh nên tham gia khuôn khổ hợp tác quốc tế để mua dầu từ thị trường quốc tế. Bản dự thảo ban đầu về những phát hiện của nghiên cứu được xuất bản vào tháng 11 năm 2003, và văn bản cuối cùng được phát hành vào tháng 6 năm 2004.<sup>80</sup> Bản báo cáo tổng kết những bài học trong vòng hai thập kỷ qua, trong đó chủ yếu tập trung vào các hạn chế trong vấn đề quản trị: sự thiếu hụt về các chiến lược năng lượng quốc gia toàn diện có thẩm quyền pháp lý, về việc ra quyết định một cách khoa học, về năng lực thực thi đối với các văn bản luật về năng lượng, và về phối hợp chính sách giữa dầu, than, điện và điện hạt nhân.

Bản báo cáo đã xác định các ưu tiên trong chính sách năng lượng của Trung Quốc: chú trọng hơn nữa khâu bảo tồn và tính hiệu quả của năng lượng, đặc biệt là trong ngành công nghiệp; tích hợp các mục tiêu môi trường vào chính sách năng lượng; duy trì vai trò của các nguồn tài nguyên năng lượng chính trong nước làm nguồn cung năng lượng chủ yếu, đồng thời cải thiện quy trình quản lý chúng; nâng cao vai trò của thị trường trong lĩnh vực năng lượng trong nước; tăng cường sử dụng năng lượng tái tạo (đặc biệt là thủy điện), hạt nhân và khí tự nhiên để giảm sự phụ thuộc vào than đá; phát triển nhiên liệu thay thế phục vụ giao thông; và xây dựng, tích trữ đầy đủ cho các kho dự trữ dầu nhằm đối phó với các trường hợp khẩn cấp.<sup>81</sup>

Bản báo cáo thứ hai là “Kế hoạch bảo tồn năng lượng trung và dài hạn” của Ủy ban Cải cách và Phát triển Quốc gia, không chỉ khẳng định việc sử dụng hiệu quả và bảo tồn năng lượng chính là trung tâm trong chính sách mới của nước này,

---

<sup>80</sup> Development Research Center of the State Council and Energy Research Institute, ‘China National Energy Strategy and Policy 2020’, June 2004.

<sup>81</sup> Development Research Center, ‘National Energy Strategy and Policy Report’, 2004, Chapter One, [http://www.efchina.org/csepupfiles/repor t/2006102695218188.8060385177036.pdf/0\\_Main\\_Report.pdf](http://www.efchina.org/csepupfiles/repor t/2006102695218188.8060385177036.pdf/0_Main_Report.pdf); ‘Nengyuan Jishilingyu Zhuanjia Weiyuanhui’, *Nengyuan Fazhan Zhanlue Yanjiu: “Shi-Wu” Guojia Gaojishu Fazhan Jihua* (Beijing: Huaxiegongye Chubanshe, 2004); Zhou Dadi (ed.), *Research on the Energy Strategy for Building a Moderately Well-off Society* (Beijing: Zhongguo Jihua Chubanshe, 2006).

mà còn đặt ra mục đích và mục tiêu cụ thể, đồng thời xác định các bước thực hiện quan trọng.<sup>82</sup> Mục tiêu là nhằm giảm 20% cường độ năng lượng (lượng năng lượng tiêu thụ trên một đơn vị tài sản được tạo ra) trong giai đoạn từ 2005 đến 2010. Kế hoạch bảo tồn năng lượng và các tài liệu bổ sung đã thiết lập mục tiêu riêng biệt cho những ngành công nghiệp đòi hỏi nhiều năng lượng, chẳng hạn như ngành sản xuất điện, thép, kim loại màu, lọc dầu, hóa dầu, hóa chất và xi măng; bản kế hoạch cũng đưa ra các đề xuất về những tiêu chuẩn, việc đổi mới công nghệ và những cải tiến bổ sung cần thiết để đạt được những mục tiêu trên. Các ưu tiên được xây dựng thêm trong kế hoạch năm năm lần thứ 11, bao gồm giai đoạn 2006-10.<sup>83</sup>

### ***Bất ổn về thể chế và nhu cầu cải cách quản trị năng lượng***

Trong cuộc tranh luận về an ninh năng lượng, ngày càng có nhiều người lập luận rằng mối quan ngại về những đe dọa bên ngoài đối với nguồn cung cấp dầu của Trung Quốc đã che giấu nguồn gốc lớn nhất của bất ổn an ninh trong nước: đó là các tổ chức quản lý ngành năng lượng.<sup>84</sup> Họ cho rằng một trong những mối đe dọa lớn nhất đối với an ninh năng lượng Trung Quốc đến chính từ các thể chế chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn năng lượng.

Ý tưởng cải tổ quản lý của ngành năng lượng lại nổi lên sau Đại hội Đảng lần thứ 16, vào tháng 11/2002.<sup>85</sup> Trước cuộc họp của Đại hội đại biểu Nhân dân toàn quốc vào tháng 3 năm 2003, các chuyên gia năng lượng đã thúc giục Quốc Vụ Viện thành lập cơ quan ngang Bộ hoặc cao hơn bộ để giám sát ngành năng lượng.<sup>86</sup>

Tình trạng thiếu điện bắt đầu vào cuối năm 2002, và sự gia tăng phụ thuộc của Trung Quốc vào dầu nhập khẩu, đã củng cố thêm những lập luận coi bộ máy quản lý năng lượng manh mún là không đủ năng lực để kiểm soát những thách thức đối với một ngành năng lượng đang phát triển nhanh chóng, ngày càng định

<sup>82</sup> National Development and Reform Commission, 'China's Medium and Long-term Energy Conservation Plan', November 2004; Zhou (ed.), *Research on the Energy Strategy for Building a Moderately Well-off Society*.

<sup>83</sup> National Development and Reform Commission, '11th Five-Year Plan for Energy Development', April 2007.

<sup>84</sup> See Kong Bo, 'Institutional Insecurity', *China Security*, vol. 2, no. 2, Summer 2006; 'Feng Jianhua: Zhongguo Nengyuan Weiji Genyuan Shi Quefa Tongyi Nengyuan Guanli', *Xinliang Cailing*, 15 November 2005; Chen Xinhua, 'Nengyuan Anquan You Zhongshi Neibu Yinsu', *Zhongguo Nengyuan*, no. 5, 2003.

<sup>85</sup> 'A Central Regulator Will Coordinate Policy and Planning for the Oil, Gas, Coal and Electricity Industries', *South China Morning Post*, 15 January 2003, p. 4.

<sup>86</sup> 'Focus – China Needs Energy Commission to Oversee Oil Security', Xinhua, 10 March 2003; 'China Energy Watch: Parliament, Reforms and Oil Prices', Dow Jones Energy Service, 5 March 2003; 'State Weighs Rebuilding of Energy Commission', *Business Weekly*, 14 January 2003; Xie Ye, 'Energy Sector Reform Urged', *China Daily*, 8 January 2004.

hướng thị trường và quốc tế hóa. Vấn đề đáng quan ngại đó là các cơ quan năng lượng của chính phủ không có khả năng phối hợp và thực hiện một chiến lược quốc gia dài hạn và toàn diện, có thể đáp ứng được nhu cầu của Trung Quốc và thống nhất với các mục tiêu về an ninh quốc gia và môi trường.<sup>87</sup>

Trong những năm đầu của chính quyền Hồ Cẩm Đào-Ôn Gia Bảo, các cuộc tranh luận đã lên đến đỉnh điểm khi thừa nhận rằng việc quản lý ngành công nghiệp năng lượng cần phải được tăng cường để tháo gỡ những khó khăn chủ yếu về năng lượng trong nước của Trung Quốc một cách thích hợp. An ninh dầu mỏ và các tác động địa chính trị từ việc gia tăng sự phụ thuộc vào nhập khẩu của Trung Quốc chỉ là một phần tương đối hạn chế của cuộc tranh luận.

---

## GIỚI THIỆU DỰ ÁN NGHIENCUUQUOCTE.NET

---

### Mục đích

*Nghiencuuquocte.net* là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

### Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quảng đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

### Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Các bài dịch học thuật của Dự án được đăng tại chuyên mục [Biên dịch](#). Danh mục rút gọn của các bài dịch này được đăng trên trang [Mục lục](#).

Từ tháng 6/2014, Dự án còn xuất bản chuyên mục [Bình luận](#) để đăng các bài bình luận tiêu biểu của các tác giả Việt Nam hoặc dịch từ các nguồn tiếng Anh uy tín về các vấn đề quan hệ quốc tế và

---

<sup>87</sup> Wang Yichao, 'Zhongguo Nengyuan Cong Weiji Dao Xinzheng', *Caijing*, no. 23, 2005; 'Brand New Commissions to Be Set Up in New Term of Government in China', *Wen Wei Po*, 28 January 2003; 'Focus'; 'State Weighs Rebuilding of Energy Commission'.

chính sách đối ngoại Việt Nam. Ngoài ra, Dự án cũng ra mắt chuyên mục [Ấn phẩm](#) để chia sẻ các bài viết nghiên cứu về quan hệ quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng Anh với sự cho phép của các tác giả liên quan.

Trang chủ dự án: <http://nghiencuuquocte.net/>

Thông tin thêm về Dự án: <http://nghiencuuquocte.net/about/>

Danh mục các bài đã xuất bản: <http://nghiencuuquocte.net/muc-luc/>

Theo dõi Dự án trên Facebook: <https://www.facebook.com/DAnghiencuuquocte>

Ý kiến đóng góp và mọi liên hệ xin gửi về: Lê Hồng Hiệp, [nghiencuuquocte@gmail.com](mailto:nghiencuuquocte@gmail.com)

---